

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 451/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng biển đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ văn bản số 2089/VPCP-ĐP ngày 02 tháng 4 năm 2009 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì với hợp với các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn tỉnh Quảng Ninh lập Đề án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020; giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Đề án này;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 503/TTr-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2011 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là quy hoạch vùng) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

(1) Khai thác và phát huy triệt để những tiềm năng, lợi thế sẵn có, đặc biệt là lợi thế về vị trí địa kinh tế, địa chính trị của vùng biển đảo Cô Tô; tận dụng tối đa sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước, đồng thời nắm bắt các cơ hội phát triển mới trong khu vực để thu hút đầu tư phát triển nhanh, tạo sự bứt phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; từng bước xây dựng khu vực Cô Tô thành một vùng đảo có kinh tế phát triển, một căn cứ vững chắc để đảm bảo an ninh quốc phòng và

bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia vùng biển đảo Đông Bắc của Tổ quốc. Đây là quan điểm chủ đạo, có tính chiến lược lâu dài đối với sự phát triển của vùng biển đảo Cô Tô.

(2) Xây dựng và phát triển vùng biển đảo Cô Tô phù hợp với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (Khóa X) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và đặt trong tổng thể phát triển chung của tỉnh Quảng Ninh. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển vùng biển đảo Cô Tô với sự phát triển trong khu vực, nhất là thành phố Hạ Long, Khu kinh tế Vân Đồn, Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà, thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái và Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ.

(3) Phát triển vùng biển đảo Cô Tô theo hướng mở cửa, hội nhập mạnh với khu vực và thế giới, đồng thời phải trên quan điểm tổng hợp, có tầm nhìn dài hạn và bước đi thích hợp, bảo đảm phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

(4) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để phát triển các ngành có lợi thế như thủy sản, du lịch, dịch vụ biển, hình thành một số sản phẩm chủ lực, làm nền tảng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng. Tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng; thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi và thông thoáng để thu hút dân cư và các nhà đầu tư ra sinh sống và phát triển sản xuất kinh doanh trên vùng đảo.

(5) Phát triển vùng biển đảo Cô Tô cần đặc biệt coi trọng việc tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng an ninh xứng đáng với vị trí tiền tiêu của vùng đảo nhằm giữ vững ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia vùng biển Đông Bắc của Tổ quốc. Lấy phát triển kinh tế làm cơ sở để tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, đồng thời lấy bảo đảm quốc phòng an ninh làm tiền đề số một để phát triển kinh tế.

(6) Coi trọng phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, ổn định dân cư phù hợp với sức chứa trên mỗi đảo; không ngừng nâng cao dân trí và đời sống của nhân dân trên các đảo.

(7) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ, tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững trong khu vực.

2. Mục tiêu phát triển:

2.1. Mục tiêu chung:

Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững vùng biển đảo Cô Tô để sớm thoát khỏi tình trạng khó khăn, chậm phát triển hiện nay, tiến tới xây dựng Cô Tô thành một vùng đảo có kinh tế năng động, một trọng điểm phát triển trong chiến lược phát triển kinh tế biển đảo của tỉnh Quảng Ninh nói riêng và Chiến lược biển cả nước nói chung; đồng thời là căn cứ vững chắc để bảo vệ quốc phòng an ninh và chủ quyền quốc gia vùng biển Đông Bắc của Tổ quốc. Trong đó, giai đoạn đầu chủ yếu phát triển thủy sản, sau chuyển dần sang du lịch - dịch vụ, nhất là dịch vụ biển và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

2.2. Một số mục tiêu cụ thể:

- Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 17% - 18 %/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 20%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 15% - 16%/năm;

nâng mức thu nhập bình quân đầu người từ 4,9 triệu đồng hiện nay lên hơn 10 triệu đồng năm 2015 và 17 triệu đồng vào năm 2020.

- Tạo sự chuyển biến căn bản và vững chắc trong cơ cấu kinh tế của vùng theo hướng hiện đại, giảm mạnh tỷ trọng nông lâm nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng các ngành dịch vụ (*đặc biệt là du lịch*) và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đến năm 2015, giá trị gia tăng khu vực dịch vụ chiếm khoảng 25,4% (*riêng du lịch chiếm 17%*); công nghiệp - xây dựng chiếm 29,1% (*riêng công nghiệp chiếm gần 18%*); ngành nông lâm nghiệp (*trừ thủy sản*) giảm mạnh chỉ còn khoảng 6,4% trong tổng giá trị gia tăng toàn vùng. Năm 2020 dịch vụ chiếm 33,7% (*riêng du lịch chiếm 24,2%*); công nghiệp - xây dựng chiếm 30,5% (*riêng công nghiệp chiếm 21,4%*) và nông lâm nghiệp chỉ còn 3,7% (*trừ thủy sản*).

- Duy trì và củng cố vững chắc thành quả phổ cập trung học cơ sở đúng độ tuổi, từng bước thực hiện phổ cập trung học phổ thông trong vùng đảo. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của vùng lên hơn 20% năm 2015 và 45 - 50% vào năm 2020, đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh của vùng, nhất là phát triển du lịch.

- Hoàn thiện mạng lưới y tế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ y tế. Đến năm 2020 toàn bộ các trạm y tế cơ sở trong vùng có bác sỹ.

- Đến năm 2020 về cơ bản hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu trên vùng đảo. Xây dựng hoàn chỉnh các bến cảng và các tuyến giao thông chính trên các đảo, bảo đảm đi lại thuận tiện giữa các đảo và giữa vùng đảo với đất liền. Hoàn thành các công trình cấp điện và nước ngọt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh của vùng.

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 lên khoảng 60%, bảo đảm chức năng phòng hộ duy trì nguồn nước và đóng góp ngày càng nhiều cho nền kinh tế. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo đảm phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường sinh thái trên các đảo, nhất là các khu du lịch và môi trường biển, ven biển.

- Bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia trên vùng biển đảo Đông Bắc. Ngăn chặn kịp thời các hoạt động buôn lậu và xâm phạm chủ quyền của tàu thuyền nước ngoài đánh bắt trộm hải sản.

- Đến năm 2015 cơ bản hoàn thành các công trình hạ tầng thiết yếu trên vùng đảo như: các công trình cấp điện, cấp nước ngọt, các bến cảng, các tuyến giao thông chính trên các đảo, các trường học, bệnh viện, hạ tầng thông tin - truyền thông... bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ quốc phòng an ninh của vùng.

3. Về phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

3.1 Tập trung phát triển các ngành kinh tế biển chủ lực, có lợi thế:

- Phát triển toàn diện và hiện đại hoá ngành thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất và chất lượng cao, có sản phẩm đa dạng phục vụ xuất khẩu và phát triển du lịch.

Kết hợp khai thác với phát triển nuôi trồng, nhất là nuôi biển và dịch vụ nghề cá. Gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ nguồn lợi và môi trường

sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững. Phấn đấu đến năm 2020 tổng sản lượng thủy sản của vùng đạt 7.800 - 8.000 tấn; giá trị gia tăng ngành thủy sản đạt 160 - 170 tỷ đồng, chiếm trên 30% tổng GDP và vẫn giữ vị trí hàng đầu trong nền kinh tế của vùng đảo; tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2009 - 2020 đạt 12 - 13 %/năm; kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2015 đạt 1,5 - 2 triệu USD và năm 2020 đạt 3,5 - 4 triệu USD.

- Phát triển nhanh ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đảm bảo tính bền vững, xây dựng Cô Tô thành Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng biển đảo cấp Quốc gia gắn với Khu du lịch sinh thái biển đảo cao cấp Vân Đồn; đưa Cô Tô trở thành một trọng điểm du lịch trong quần thể du lịch Cát Bà - Hạ Long - Vân Đồn - Cô Tô - Móng Cái - Trà Cổ với đa dạng các loại hình du lịch, thể thao và vui chơi giải trí cả trên biển và trên các đảo.

Đến năm 2015 tập trung xây dựng hoàn chỉnh các cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là giao thông kết nối đảo với đất liền chất lượng cao và các công trình cấp điện, cấp nước, bưu chính viễn thông tạo điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế - xã hội của vùng nói chung và thu hút đầu tư phát triển du lịch nói riêng. Tổ chức các đội tàu cao tốc từ đất liền ra đảo, tạo điều kiện đi lại thuận tiện để thu hút khách du lịch. Tổ chức quy hoạch chi tiết một số khu du lịch trọng điểm trên các đảo và tổ chức xúc tiến đầu tư, du lịch để kêu gọi đầu tư và thu hút khách du lịch.

Giai đoạn 2016 - 2020 tập trung phát triển nhanh và bền vững du lịch trong vùng theo hướng du lịch sinh thái chất lượng cao phù hợp với đặc thù của du lịch biển, đảo. Từng bước xây dựng Cô Tô thành Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng biển đảo cấp Quốc gia gắn với Khu du lịch sinh thái biển đảo cao cấp Vân Đồn và một quần thể du lịch Cát Bà - Hạ Long - Vân Đồn - Cô Tô - Móng Cái - Trà Cổ. Phát triển đa dạng các loại hình du lịch, thể thao và vui chơi giải trí cả trên biển và trên các đảo và ưu tiên phát triển các loại như: lặn biển, đua thuyền, lướt ván, câu cá, câu mực, leo núi và các công trình vui chơi giải trí khác.

Phấn đấu đến năm 2015 vùng biển đảo Cô Tô có thể thu hút 15 - 16 ngàn lượt khách, trong đó có 4 - 5 ngàn lượt khách quốc tế; doanh thu du lịch đạt 14 - 15 tỷ đồng và năm 2020 đạt 30 - 35 ngàn lượt khách, trong đó có 10 - 12 ngàn lượt khách quốc tế; doanh thu du lịch đạt 45 - 47 tỷ đồng; đạt tốc độ tăng trưởng 24,8 %/năm bình quân thời kỳ 2015 - 2020.

- Phát triển mạnh và đa dạng các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là các ngành dịch vụ nghề cá, dịch vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, dịch vụ thương mại, các dịch vụ tài chính ngân hàng, vận tải, thông tin - truyền thông, dịch vụ khoa học, hướng nghiệp, tư vấn kỹ thuật, tư vấn pháp luật, ngoại ngữ, tin học, dịch vụ y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội khác nhằm phục vụ sản xuất và đời sống, đồng thời giải quyết tốt vấn đề lao động tại chỗ, tiến tới mục tiêu nhanh chóng đưa ngành dịch vụ thành ngành kinh tế quan trọng của vùng biển đảo Cô Tô.

3.2 Phát triển một số ngành kinh tế khác:

a. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Phấn đấu từ nay đến năm 2020 tốc độ tăng trưởng công nghiệp đạt trên 40%/năm; nâng tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế của vùng đảo từ 2% lên khoảng 18% năm 2015 và trên 20% năm 2020.

Tranh thủ tối đa các điều kiện và khả năng có thể của vùng để phát triển và tạo sự chuyển biến mới trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của vùng. Tập trung cải tạo mở rộng các cơ sở hiện có và đầu tư xây dựng mới một số cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ, nhất là các ngành phục vụ trực tiếp sản xuất và đời sống nhân dân vùng đảo như sản xuất điện, cơ khí tàu thuyền, chế biến thủy sản và thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch.

- *Về công nghiệp điện:* Triển khai xây dựng nhà máy nhiệt điện Cò Tô với quy mô dự kiến khoảng 5 - 6 MW và sau năm 2015 sẽ mở rộng nhà máy với quy mô phù hợp, bảo đảm cung cấp đầy đủ nhu cầu điện cho phát triển sản xuất và sinh hoạt của vùng.

Phát triển rộng rãi sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời trên các đảo, nhất là tại các khu vực xa trung tâm và các đảo nhỏ lẻ. Nghiên cứu dự án phát triển điện gió tại khu vực Hồng Vân, từng bước hình thành một Tổ hợp sản xuất điện trên vùng đảo (gồm nhiệt điện, diesel, điện gió, điện mặt trời), đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng lớn của vùng.

- *Về chế biến hải sản:* Đầu tư xây dựng một số cơ sở chế biến thủy sản chất lượng cao để xuất khẩu trực tiếp. Xây dựng 01 cơ sở chế biến thủy sản công suất khoảng 8 tấn/ngày với công nghệ hiện đại tại Cò Tô, tạo ra các sản phẩm đa dạng, chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và du lịch tại chỗ. Sau năm 2015 triển khai xây dựng thêm 1 hoặc 2 cơ sở chế biến khác tại Cò Tô và Thanh Lân để nâng cao giá trị xuất khẩu của vùng.

Đầu tư nâng cấp và cải tiến kỹ thuật các cơ sở sản xuất nước mắm hiện có để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Xây dựng một số cơ sở sản xuất nước mắm quy mô hộ gia đình với công nghệ tiên tiến tại Cò Tô và Thanh Lân. Mở rộng các hình thức chế biến khác như chế biến khô, làm mắm các loại, sản xuất bột cá phục vụ chăn nuôi đáp ứng nhu cầu trong và ngoài vùng, đồng thời nâng cao giá trị sản phẩm khai thác và giải quyết lao động tại chỗ.

- *Về cơ khí sửa chữa tàu thuyền:* Xây dựng một vài cơ sở sửa chữa tàu thuyền quy mô nhỏ (chủ yếu duy tu bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ tàu cá) gần với Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Cò Tô nhằm đáp ứng một phần nhu cầu duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa tàu cá các loại hoạt động trong khu vực.

- *Về sản xuất vật liệu xây dựng:* Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng phù hợp với điều kiện và khả năng tài nguyên của vùng nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường các đảo. Quy hoạch hợp lý các vùng khai thác đá, cát, sỏi trên địa bàn; quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên khoáng sản; ngăn chặn kịp thời tình trạng khai thác bừa bãi làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và các danh thắng của vùng đảo phục vụ phát triển du lịch. Nghiên cứu xây dựng một cơ sở sản xuất gạch không nung sử dụng nguồn nguyên liệu xỉ than của nhà máy điện Cò Tô, đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng của nhân dân.

- *Các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp khác:* Đầu tư xây dựng tại Cò Tô một cơ sở sản xuất nước đá làm bằng nước biển quy mô giai đoạn đầu khoảng 18.000 - 20.000 tấn/năm, sau nâng lên 28.000 - 30.000 tấn/năm cung cấp cho các tàu cá khai thác trong khu vực. Phát triển đa dạng các nghề tiểu thủ công

ng nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống như: xay xát, sơ chế nông sản, chế biến thực phẩm, may mặc, sản xuất đồ mộc, sửa chữa ngư lưới cụ, sản xuất thức ăn chăn nuôi phục vụ nuôi trồng thủy sản. Phát triển các ngành nghề thủ công mỹ nghệ sản xuất đồ lưu niệm từ các sản phẩm biển sản có trong vùng như ngọc trai, vỏ trai, vỏ ốc phục vụ khách du lịch và giải quyết việc làm tại chỗ.

b. Nông, lâm nghiệp: Phát triển ổn định và bền vững ngành nông, lâm nghiệp trên các đảo theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao nhằm đáp ứng một phần nhu cầu lương thực - thực phẩm tại chỗ, đồng thời góp phần giải quyết việc làm, ổn định dân cư, xã hội, nâng cao đời sống dân cư và bảo vệ môi trường sinh thái trên các đảo.

- *Sản xuất lương thực:* Phát triển ổn định sản xuất lương thực theo hướng ưu tiên diện tích có điều kiện nước tưới, kết hợp với khai hoang mở rộng diện tích để đến năm 2020 nâng diện tích đất lúa trong vùng ở mức 145 - 150 ha, trong đó đất 2 vụ lúa khoảng 100 ha. Đẩy mạnh các biện pháp thâm canh tăng vụ, đưa nhanh các giống lúa mới năng suất cao và các kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất. Phấn đấu nâng năng suất lúa bình quân trong vùng từ 32,4 tạ/ha hiện nay lên trên 35 tạ/ha năm 2015 và 40 - 45 tạ/ha vào năm 2020. Phát triển trồng ngô vụ đông và vụ xuân ở Thanh Lân và Đồng Tiến với các giống ngô lai năng suất cao, nâng diện tích gieo trồng ngô toàn vùng lên 25 - 30 ha năm 2020.

- *Các cây trồng khác:* Phát triển các loại cây trồng ít cần nước, chuyển một phần diện tích đất lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao hơn. Khai thác tối đa các vùng đất cao, các khu vực gò đồi trên các đảo, nhất là ở Thanh Lân và khu vực Đồng Tiến (Cò Tô), kết hợp với đầu tư cải tạo vườn tạp để trồng cây ăn quả (cam, nhãn, vải thiều, xoài, na, mít). Phấn đấu đến năm 2020 diện tích trồng cây ăn quả trên vùng đảo đạt trên 100 ha, trong đó Thanh Lân trên 50 ha; Đồng Tiến khoảng 40 ha và khu vực thị trấn Cò Tô trên 10 ha.

Phát triển trồng các loại rau, đậu thực phẩm, đặc biệt là rau mầu vụ Đông và Đông Xuân, nâng diện tích trồng rau trong vùng lên 10 - 15 ha vào năm 2020. Ưu tiên phát triển rau sạch, rau an toàn; xây dựng một số vùng sản xuất rau sạch, rau an toàn tại các khu vực có điều kiện như: ven thị trấn Cò Tô, đảo Thanh Lân, khu vực Đồng Tiến (đảo Cò Tô).

- *Về chăn nuôi:* Tập trung phát triển mạnh chăn nuôi cả về số lượng và chất lượng đàn gia súc, gia cầm chất lượng cao theo hướng sản xuất hàng hoá; kết hợp phát triển chăn nuôi quy mô hộ gia đình với chăn nuôi tập trung để tăng khối lượng sản phẩm hàng hóa.

Khôi phục và phát triển nhanh đàn trâu bò, chú trọng chăn nuôi bò thịt chất lượng cao gắn với kinh tế vườn đồi, vườn rừng; đưa nhanh các giống bò lai chất lượng cao vào sản xuất. Phát triển chăn nuôi lợn và gia cầm khác ở các địa phương trong vùng đảo. Đến năm 2015 tổng đàn trâu bò trong vùng đạt 1.100 - 1.200 con, đàn lợn khoảng 3.000 con, đàn gia cầm trên 25.000 con; năm 2020 đàn trâu bò đạt 1.650 - 1.700 con (riêng bò khoảng 1.500 con), đàn lợn trên 4.000 con và đàn gia cầm đạt 35.000 - 40.000 con; sản lượng thịt hơi đạt trên 350 tấn, đạt tốc độ tăng

trường 7,5 - 8%/năm bình quân giai đoạn 2010 - 2020.

- *Về lâm nghiệp:* Tích cực bảo vệ vốn rừng hiện có trên các đảo, tăng cường khoanh nuôi tái sinh kết hợp với trồng rừng mới để tăng tỷ lệ che phủ, bảo đảm chức năng phòng hộ của rừng. Gắn phát triển lâm nghiệp với phát triển du lịch và sắp xếp lại dân cư trên các đảo, bảo đảm phát triển bền vững. Phát triển trồng rừng ngập mặn, rừng sinh thái ở các khu du lịch và rừng phòng hộ ven các đảo. Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ che phủ của rừng đạt khoảng 60%, đáp ứng yêu cầu phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước trên vùng đảo.

3.3 Phát triển kết cấu hạ tầng:

a. Về giao thông: Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn và thuận tiện. Chú trọng phát triển hạ tầng giao thông hướng ngoại, kết nối vùng đảo với đất liền và các tuyến giao thông chính có tính chất quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng an ninh của vùng biển đảo. Phương hướng chủ yếu là:

- Khẩn trương nâng cấp mở rộng cảng tổng hợp Cò Tô để kết nối vùng đảo với đất liền. Đầu tư nâng cấp cầu cảng và cải tạo luồng lạch để có thể tiếp nhận tàu đến 500 tấn. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá cơ sở hạ tầng phục vụ cảng như: hệ thống kho bãi, các thiết bị bốc xếp, phòng điều hành, phòng chờ của hành khách nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác cảng, tiến tới có thể tiếp nhận tàu trên 5.000 tấn vào cảng và đầu tư khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá với quy mô 600 tàu, công suất 600 CV.

- Tiếp tục nâng cấp, mở rộng cảng Thanh Lân để nâng cao năng lực và chất lượng vận tải giữa Cò Tô với Thanh Lân, tiến tới phát triển thành một trong hai cảng chính của vùng để kết nối với đất liền. Phát triển nhanh các phương tiện vận tải chất lượng cao, sớm đưa hệ thống vận tải hành khách giữa vùng đảo với đất liền bằng các loại tàu cao tốc chất lượng cao, tạo điều kiện đi lại nhanh chóng, thuận tiện và an toàn cho quân dân vùng đảo đồng thời thu hút khách du lịch.

- Đầu tư xây dựng một sân bay trực thăng tại trung tâm đảo Cò Tô để rút ngắn thời gian và khoảng cách giữa vùng đảo với đất liền, tạo điều kiện phát triển du lịch, đồng thời kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng an ninh, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển.

- Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên các đảo, ưu tiên phát triển các tuyến giao thông mang tính lưỡng dụng vừa phục vụ phát triển kinh tế vừa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường xuyên đảo Cò Tô phù hợp với tiến độ phát triển của vùng đảo. Tiếp tục nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường nhánh, các đường nối trung tâm đảo đến các cụm kinh tế trong vùng như: khu dịch vụ hậu cần nghề cá Vịnh Bắc Bộ, cụm công nghiệp Hồng Vân, cảng Bắc Vân và các khu du lịch Vân Chải, Hồng Vân.

Đầu tư nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh đường vòng quanh đảo Thanh Lân và đường xuyên đảo Trần, vừa phục vụ phát triển kinh tế vừa phục vụ quốc phòng an ninh; phát triển hệ thống giao thông nông thôn, bảo đảm đến năm 2020 toàn bộ các

tuyến đường liên thôn, liên xã trên các đảo.

b. Mạng lưới cấp điện: Phát triển nhanh hệ thống cấp điện, bao gồm cả nguồn điện và mạng lưới truyền dẫn. Trước hết khẩn trương xây dựng nhà máy nhiệt điện đốt than tại đảo Cô Tô công suất 5 - 6 MW để đến năm 2013 có thể đưa vào hoạt động. Về lâu dài, cùng với việc phát triển lưới điện quốc gia đến các đảo chính của Khu kinh tế Vân Đồn (*Quan Lạn, Minh Châu, Bản Sen*), triển khai xây dựng tuyến cáp ngầm Minh Châu - Cô Tô (*khoảng 20 km*) để đưa lưới điện quốc gia ra Cô Tô, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh của vùng biển, đảo.

Xây dựng đồng bộ mạng lưới truyền tải điện (hệ thống đường dây, các trạm hạ áp) từ nhà máy nhiệt điện đến các hộ tiêu thụ. Đầu tư mở rộng các trạm điện diezen tại Thanh Lân và đảo Trần. Nghiên cứu phương án xây dựng đường dây truyền tải từ nhà máy nhiệt điện Cô Tô sang đảo Thanh Lân để cấp điện ổn định cho phát triển sản xuất và sinh hoạt của quần dân trên đảo. Phát triển rộng rãi việc sử dụng các năng lượng mới (*biogaz, năng lượng gió, năng lượng mặt trời*) nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện tại chỗ, nhất là cho các khu vực xa trung tâm và các đảo nhỏ lẻ như đảo Trần, Cô Tô con bảo đảm đến năm 2015 có 85 - 90% dân cư trên các đảo được sử dụng điện và năm 2020 đạt 100%. Nghiên cứu xây dựng cụm năng lượng gió tại vịnh Hồng Vân.

c. Hệ thống cấp thoát nước: Đầu tư nâng cấp mở rộng các hồ chứa hiện có trên các đảo. Triển khai xây dựng nhanh hồ chứa Thường Xuân quy mô 700.000 m³ để sớm đưa vào khai thác sử dụng. Đầu tư xây dựng nhà máy nước tại thị trấn Cô Tô với công suất giai đoạn đầu khoảng 500 - 600 m³/ngày-đêm, sau nâng lên 1.000 - 1.200 m³/ngày-đêm để cấp nước sạch cho dân cư khu vực thị trấn và phục vụ phát triển du lịch. Xem xét xây dựng một số hồ chứa khác trên các đảo Cô Tô, Thanh Lân và đảo Trần; đẩy mạnh khai thác nước ngầm cục bộ cho từng khu vực nhỏ; nghiên cứu áp dụng công nghệ ngọt hóa nước biển nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và sinh hoạt của quần dân vùng đảo, đồng thời cung cấp cho các tàu cá hoạt động trong khu vực. Phấn đấu đến năm 2015 toàn bộ 100% dân cư ở thị trấn Cô Tô được dùng nước sạch; 90 - 95% dân cư nông thôn trên các đảo được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đạt 100% trước năm 2020.

Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước cho khu vực thị trấn Cô Tô, các khu vực tập trung công nghiệp, du lịch, dịch vụ và các khu dân cư tập trung trên các đảo. Đặc biệt chú trọng việc xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước và các công trình xử lý nước thải cho Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Vịnh Bắc Bộ, các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các khu du lịch trọng điểm. Đảm bảo đến năm 2020 tất cả các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các khu du lịch, dịch vụ và các khu dân cư tập trung trong vùng đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

d. Về Thông tin - truyền thông: Phát triển hạ tầng thông tin - truyền thông và công nghệ thông tin với công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng, tốc độ nhanh; xây dựng mạng cáp quang biển. Đến năm 2015 tất cả các xã trong vùng đảo đều có điểm phục vụ thông tin - truyền thông và truy cập Internet; 100% dân cư được truy cập Internet miễn phí.

3.4 Phát triển các lĩnh vực xã hội:

a. *Về giáo dục - đào tạo:* Phổ cập THPT trong toàn vùng đảo trước năm 2020. Đầu tư nâng cấp hoàn thiện cơ sở vật chất, hệ thống trường học hiện có; đầu tư xây dựng mới 01 trường THPT tại đảo Thanh Lân, Đồng Tiến. Phấn đấu đến năm 2015, 100% các phòng học được kiên cố hoá; trên 20% số trường đạt chuẩn quốc gia và năm 2020 đạt trên 70%. Chú trọng bồi dưỡng cho số giáo viên chưa đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo để đến năm 2015 bảo đảm 100% giáo viên ở các cấp học đều đạt chuẩn.

Đầu tư xây dựng 01 cơ sở đào tạo nghề tại Cô Tô, ưu tiên đào tạo các nghề thuỷ sản, du lịch, vận tải biển, cơ khí sửa chữa...Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của vùng lên trên 20% năm 2015 và 45 - 50% năm 2020.

b. *Về y tế:* Hoàn thiện mạng lưới y tế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ nâng cao chất lượng các hoạt động y tế, nhất là ở các đảo xa. Nâng cấp mở rộng bệnh viện đa khoa tại trung tâm thị trấn Cô Tô, xây dựng trung tâm khám chữa bệnh ở đảo Thanh Lân. Củng cố và duy trì tốt phòng trào quân dân y kết hợp trong việc chăm sóc sức khỏe cho quân dân trên vùng đảo. Phấn đấu đến năm 2015 toàn bộ các trạm y tế xã; 50 - 60% số trạm y tế thôn bản có bác sỹ và đạt 100% trước năm 2020. Phấn đấu đến năm 2015 giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn khoảng 15%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ 7 loại vắc xin đạt trên 95%. Năm 2020 giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn dưới 10% và 100% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ các loại vắc xin.

c. *Các lĩnh vực xã hội khác:* Tập trung xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở theo hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Nâng cấp trạm phát sóng FM và trạm thu phát lại truyền hình, nâng cấp mở rộng Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, ưu tiên đầu tư trang thiết bị văn hóa, nghệ thuật cho các lực lượng vũ trang trên đảo, đảm bảo đến năm 2010 có 100% số hộ trong vùng được nghe đài phát thanh; trên 80% số hộ được xem truyền hình và năm 2015 đạt 100%. Phát triển thể thao quần chúng trong các trường học, các cơ quan, trong lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân. Tăng cường cơ sở vật chất cho ngành thể dục thể thao, mỗi xã đều có 01 sân vận động và 01 trung tâm văn hóa thể thao.

3.5 Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững:

Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác hải sản trong vùng, đặc biệt là khu vực vùng triều và ven các đảo. Quy hoạch xây dựng Khu bảo tồn biển tại Cô Tô và đảo Trần. Thiết lập hệ thống rừng phòng hộ ổn định, trồng rừng theo mô hình sản xuất nông lâm kết hợp. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý nguồn gây ô nhiễm. Kiểm soát chặt chẽ việc xả thải của các tàu thuyền hoạt động trong vùng biển đảo Cô Tô. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá hệ thống thoát nước thải cho thị trấn Cô Tô và các khu du lịch, khu dịch vụ hậu cần nghề cá. Quy hoạch khu chôn lấp chất thải rắn tập trung với quy mô phù hợp tại đảo Cô Tô và Thanh Lân; tiến tới xây dựng 01 cơ sở xử lý và tái chế rác thải với công nghệ hiện đại tại đảo Cô Tô. Phấn đấu đến năm 2015 hơn 70% chất thải rắn trong vùng được thu gom, xử lý và năm 2020 đạt 100%.

Xây dựng phương án cụ thể để phòng ngừa, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng. Đầu tư hệ thống các trạm quan trắc môi trường, cảnh báo môi trường dọc các đảo và các vùng biển trọng điểm để sớm cảnh báo và có biện pháp xử lý môi trường kịp thời khi có sự cố xảy ra.

3.6 Củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh:

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong vùng, xây dựng lực lượng quốc phòng an ninh ngày càng vững mạnh. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang (*bộ đội, hải quân, cảnh sát biển, biên phòng*) với lực lượng dân quân, tự vệ và toàn thể nhân dân trong việc quản lý và bảo vệ biển đảo. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân trong vùng để bảo vệ vững chắc vùng biển đảo Cô Tô. Phát huy tối đa tính pháp lý của các Hiệp định đã ký kết để đấu tranh và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên vùng biển đảo Đông Bắc Tổ quốc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến các chính sách, pháp luật cho cán bộ nhân dân vùng đảo, nhất là phổ biến các chính sách, pháp luật về biển cho bà con ngư dân hoạt động khai thác hải sản tại vùng biển Cô Tô để hạn chế các vi phạm và tranh chấp ngư trường giữa ngư dân Việt Nam và ngư dân Trung Quốc.

- Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá các lực lượng quản lý và bảo vệ biển, đảo (*gồm hải quân, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển và các lực lượng khác*). Tăng cường đầu tư và năng lực cho các khu vực phòng thủ quan trọng, đảm bảo tính cơ động, sẵn sàng chiến đấu cao và chủ động đối phó trong mọi tình huống. Phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang địa phương với các cấp, các ngành và nhân dân vùng đảo để giữ vững an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia trên biển đảo.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng quốc phòng an ninh trong vùng biển, đảo. Từng bước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình phòng thủ, cảnh giới biển trên vùng đảo Cô Tô theo một kế hoạch thống nhất, trước mắt tập trung xây dựng công trình ở các hướng, các khu vực trọng điểm. Triển khai thực hiện đề án phát triển cơ sở hạ tầng quốc phòng an ninh vùng đảo Cô Tô gồm các hạng mục chính như: Xây dựng cảng quân sự cùng hệ thống kho tàng, bến bãi; xây dựng các khu tăng gia tập trung; xây dựng hạ tầng giao thông trên các đảo; xây dựng 4 hồ chứa lớn cung cấp nước ngọt cho các đơn vị đóng quân trên đảo.

Nâng cấp, xây dựng mới những công trình quốc phòng an ninh ở các đảo trọng yếu (*đảo Trần, Cô Tô, Thanh Lân*) gồm: các căn cứ chiến đấu, Sở chỉ huy các cấp, các công trình phòng thủ, các căn cứ hậu cần, sân bay, cầu cảng, hệ thống cảnh giới, trinh sát, thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu cơ động, tác chiến nhanh trên biển. Tổ chức mạng thông tin liên lạc, đài quan sát phát hiện từ xa, hệ thống cảnh báo, truyền ảnh nhanh phục vụ cho nhiệm vụ quản lý và bảo vệ biển, đảo.

Tiếp tục đầu tư tăng cường các phương tiện có công suất lớn để kết hợp các hoạt động kinh tế, khai thác hải sản với công tác tuần tra bảo vệ chủ quyền, an ninh biển đảo; bảo vệ các hoạt động kinh tế - xã hội trong khu vực; phòng chống buôn lậu, tội phạm, đồng thời phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển.

- Kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh vừa là quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo của Đảng, đồng thời cũng là giải pháp hết sức quan trọng trong quá trình xây dựng, bảo vệ tổ quốc nói chung và vùng biển đảo Cô Tô nói riêng, vì vậy cần đẩy mạnh hơn nữa việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh trên từng địa bàn, từng khu vực.

- Đẩy mạnh công tác an ninh, chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả đối với các thủ đoạn của các thế lực thù địch và các tội phạm. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, không xảy ra đột xuất, bất ngờ hoặc "điểm nóng" trên vùng biển đảo. Củng cố chính quyền cơ sở, ổn định đời sống nhân dân ở các khu dân cư. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng buôn lậu trên biển. Giải quyết tốt tình trạng trộm cắp, gây rối và các tệ nạn xã hội trên địa bàn. Phối hợp chặt chẽ với tỉnh để tăng cường quan hệ với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc trong việc quản lý biển và phòng, chống buôn lậu trên biển nhằm xây dựng một khu vực hoà bình, ổn định và phát triển.

4. Định hướng tổ chức lãnh thổ:

4.1 Phát triển đô thị Trung tâm Cô Tô:

- Đầu tư nâng cấp thị trấn Cô Tô đạt tiêu chuẩn đô thị loại V với chức năng chính là Du lịch - dịch vụ - công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; quy mô dân số dự kiến khoảng 7.000 người. Sau năm 2020 xem xét mở rộng quy mô đô thị phù hợp với một Khu du lịch - vui chơi giải trí chất lượng cao. Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng cấp điện, cấp thoát nước, hệ thống giao thông nội thị theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch.

- Sắp xếp hợp lý các khu dân cư, các khu thương mại khang trang, sạch đẹp, văn minh. Xây dựng nhanh Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Vịnh Bắc Bộ; triển khai xây dựng Khu du lịch - vui chơi giải trí chất lượng cao Cô Tô, các điểm vui chơi giải trí, công viên cây xanh, các công trình công cộng.

- Quy hoạch hợp lý các phân khu chức năng gồm: khu vực hành chính, khu vực du lịch - dịch vụ, khu vực sản xuất và dịch vụ sản xuất, khu xây dựng các công trình công cộng, khu dân cư; xác định phạm vi ranh giới cụ thể của từng phân khu chức năng để có biện pháp quản lý hiệu quả. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng trong đô thị, hạn chế xây dựng các công trình cao tầng, bảo đảm sự hài hòa giữa kiến trúc đô thị với cảnh quan thiên nhiên. Phát triển trồng cây xanh trên các tuyến phố và trong các khu du lịch, khu dân cư tạo cảnh quan đẹp nhằm cải thiện điều kiện sống của dân cư và tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư bên ngoài.

4.2 Xây dựng xã đảo Trần:

- Tiến hành điều tra khảo sát cụ thể, xác định sức chứa tối đa của đảo và cơ cấu ngành nghề hợp lý để có kế hoạch di dân ra định cư phát triển kinh tế đảo.

- Xây dựng đồng bộ các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu như: nâng cấp bến cập tàu, xây dựng tuyến đường xuyên đảo, xây dựng khu trung tâm xã, các khu dân cư, các công trình cấp điện, cấp nước, trạm xá, trường học tạo điều kiện cần thiết để di dân ra đảo.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi đặc biệt (hỗ trợ về nhà ở, đất đai; hỗ trợ vốn để mua sắm phương tiện và ngư lưới cụ phục vụ sản xuất; hỗ trợ lương thực và tiền trợ cấp hàng tháng) để khuyến khích dân ra định cư làm ăn lâu dài.

- Tuyên truyền, vận động lực lượng thanh niên xung phong và vợ con các chiến sỹ đang công tác tại đảo Trấn ra định cư lâu dài để phát triển kinh tế đảo kết hợp với bảo vệ chủ quyền quốc gia vùng biển.

5. Lộ trình thực hiện và các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

5.1 Lộ trình thực hiện:

a. Giai đoạn từ nay đến 2015:

- Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi và thông thoáng để thu hút đầu tư bên ngoài vào phát triển sản xuất kinh doanh trên vùng biển đảo.

- Tập trung phát triển ổn định và bền vững các ngành sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; xây dựng Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Vịnh Bắc Bộ để thúc đẩy phát triển sản xuất.

- Tận dụng mọi điều kiện và khả năng để phát triển du lịch, dịch vụ và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo sự chuyển biến trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng. Triển khai xây dựng nhà máy nhiệt điện Cô Tô. Cải tạo một số bãi tắm tại Cô Tô để khai thác phục vụ du lịch.

- Tập trung mọi nguồn lực vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tạo tiền đề cần thiết để thu hút đầu tư phát triển nhanh trong các giai đoạn sau. Đến năm 2015 cơ bản hoàn thành các công trình hạ tầng thiết yếu bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ quốc phòng an ninh.

b. Giai đoạn từ 2016 - 2020 và sau 2020:

- Phát triển tổng hợp kinh tế biển - đảo, trọng tâm là du lịch và dịch vụ biển. Hình thành Trung tâm du lịch và vui chơi giải trí chất lượng cao gắn với quần thể du lịch Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái, đồng thời là điểm dừng chân hấp dẫn của các tuyến du lịch quốc tế bằng đường biển qua Vịnh Bắc Bộ. Phát triển dịch vụ biển tổng hợp gồm: dịch vụ nghề cá, dịch vụ vận tải, dịch vụ tìm kiếm cứu nạn và các dịch vụ khác.

- Tiếp tục phát triển mạnh và hiện đại hóa ngành thủy sản. Tập trung phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản vùng triều và nuôi biển.

- Quan tâm phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nhất là chế biến thủy sản, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, sản xuất nước đá và một số ngành công nghiệp phục vụ du lịch, thủy sản.

- Tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng phục vụ du lịch, tạo điều kiện phát triển nhanh và bền vững.

5.2 Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

Chương trình và dự án ưu tiên đầu tư được xác định trong quy hoạch mang tính chất là động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng (có phụ lục chi tiết kèm theo).

6. Về các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

6.1. Các giải pháp chung:

a. Giải pháp về vốn:

Để đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư của vùng biển đảo Cô Tô cho cả thời kỳ 2010 - 2020 khoảng 2.530 tỷ đồng (giá hiện hành), trong đó giai đoạn 2010 - 2015 khoảng 1.050 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 là 1.480 tỷ đồng cần áp dụng các giải pháp sau:

- Đối với nguồn vốn huy động từ ngân sách cần tập trung chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng; các nguồn vốn ngoài ngân sách sẽ được tập trung đầu tư vào các ngành, lĩnh vực như: phát triển dịch vụ nghề cá, dịch vụ vận tải, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí, phát triển khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, phát triển sản xuất công nghiệp.

- Xác định rõ các chương trình, dự án lớn, có tính chất chiến lược, dài hạn của vùng, từ đó đầu tư tập trung, trọng điểm, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng an ninh. Coi trọng việc đầu tư vào các lĩnh vực, khu vực mang tính *đột phá và cấp thiết*.

- Phối hợp chặt chẽ với tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương để triển khai thực hiện các dự án do Trung ương và tỉnh quản lý trên địa bàn theo đúng tiến độ, đồng thời đưa các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn vào quy hoạch và các kế hoạch hàng năm của tỉnh và của các Bộ ngành để kịp thời bố trí vốn.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn hỗ trợ ngân sách, sử dụng đúng mục đích theo các dự án thông qua đấu thầu. Lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án đang triển khai trên vùng đảo.

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư, quản lý xây dựng, quản lý thu chi ngân sách. Huy động đúng mức các nguồn thu từ các thành phần kinh tế theo chính sách thuế hiện hành. Thực hiện tốt việc thanh tra, kiểm tra, giám sát đầu tư. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong quản lý đầu tư, quản lý xây dựng để tránh thất thoát, lãng phí, nhất là trong khâu xây dựng cơ bản.

- Tạo môi trường thuận lợi, áp dụng các chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Chú trọng việc thành lập các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, đặc biệt là vào các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thủy sản và công nghiệp. Tranh thủ huy động nguồn vốn ODA và các nguồn vốn viện trợ của nước ngoài cho phát triển hạ tầng nông thôn, xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục, nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường.

- Đa dạng hoá các hình thức tạo vốn và các hình thức huy động vốn. Tổ chức quản lý tốt hoạt động của Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Vịnh Bắc Bộ và chợ cá trên biển tại Thanh Lân để tăng nguồn thu ngân sách trên địa bàn.

b. Giải pháp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo nghề, thành lập Trung tâm dạy nghề kỹ thuật tổng hợp đào tạo tại chỗ. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, phổ biến kiến thức và chuyển giao công nghệ cho người dân vùng đảo trong sản xuất nông, ngư nghiệp, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường biển đảo, hướng dẫn du lịch, thuyền trưởng, thợ máy, cơ khí tàu thuyền, ngoại ngữ, tin học. Có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia đào tạo và hỗ trợ cho công tác đào tạo nguồn nhân lực của địa phương.

- Áp dụng các chính sách ưu tiên, chế độ đãi ngộ cụ thể về tiền lương, phụ cấp, về nhà ở và các chế độ đãi ngộ khác để thu hút nhiều lao động có kỹ thuật và trình độ chuyên môn cao từ các địa phương khác ra sinh sống và làm việc lâu dài tại vùng đảo Cô Tô.

- Đẩy mạnh đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ cơ sở ở các đảo.

c. Tiếp tục cải cách hành chính, hoàn thiện cơ chế chính sách:

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng tinh giản, gọn nhẹ; đơn giản hoá các thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục về đất đai, cấp phép đầu tư, cấp phép xây dựng. Công khai, minh bạch các chính sách của Nhà nước cũng như của địa phương.

- Kien toàn bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chính quyền địa phương có đủ năng lực, phẩm chất để quản lý, giải quyết đúng thẩm quyền các nhiệm vụ được giao nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực của bộ máy hành chính.

- Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế "một cửa liên thông" ở các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của các cơ quan quản lý ở địa phương theo hướng giao cho một cơ quan tiếp nhận và giải quyết.

d. Tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất:

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, sử dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng sạch, áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu suất sử dụng và sử dụng tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu, điện năng, nước sạch.

- Đưa nhanh các phương tiện vận tải hiện đại, chất lượng cao vào hoạt động vận tải giữa vùng đảo với đất liền; nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới trong thăm dò, đánh giá tài nguyên nước ngầm trên các đảo.

- Đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng biogaz, năng lượng thủy triều) phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, nhất là ở các đảo lẻ và các khu vực xa nguồn điện lưới.

d. Tiếp tục phát triển kinh tế nhiều thành phần:

- Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Khuyến khích các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp, các hợp tác xã và hộ gia đình phát triển sản xuất kinh doanh theo luật định.

- Có chính sách hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, hướng nghiệp và thông tin thị trường giúp cho kinh tế hợp tác xã và cá thể có điều kiện phát triển sản xuất. Chú trọng việc xây dựng một đội ngũ các doanh nghiệp năng động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả trên vùng đảo có khả năng liên doanh liên kết với bên ngoài, nhất là trong lĩnh vực du lịch và nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Phát triển đa dạng kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế hộ gia đình. Cần có chính sách hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, hướng nghiệp và thông tin thị trường giúp cho kinh tế cá thể có điều kiện phát triển sản xuất. Quan tâm hỗ trợ cho nhân dân ở các đảo nhỏ lẻ, đảo xa và các gia đình nghèo, gia đình chính sách.

e. Các chính sách về quốc phòng, an ninh:

- Đầu tư đúng mức cho công tác quốc phòng an ninh. Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng an ninh, mua sắm phương tiện, các trang thiết bị, khí tài đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, an toàn trật tự trên biên giới biển, đảo; tham gia tích cực, có hiệu quả vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tham gia tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển.

- Tổ chức di dân ra các đảo có điều kiện, đặc biệt là đảo Trần để định cư làm ăn lâu dài trên đảo, kết hợp bảo vệ quốc phòng an ninh. Kiện toàn tổ chức hành chính xã đảo Trần; xây dựng các cụm, tuyến dân cư trên đảo, góp phần củng cố thế trận quốc phòng an ninh trên từng đảo, từng khu vực.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh ngay trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện.

6.2 Một số chính sách ưu đãi đặc thù:

a. Chính sách ưu đãi đầu tư:

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn của Chương trình Biển Đông - Hải đảo, nguồn vốn ODA, trái phiếu Chính phủ, tín dụng ưu đãi của Chính phủ và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác cho vùng biển đảo Cô Tô để đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng kinh tế xã hội, xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch, thương mại và quảng bá môi trường đầu tư của Cô Tô cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Áp dụng cho các doanh nghiệp đầu tư vào vùng biển đảo Cô Tô các chính sách ưu đãi nhất cho các đảo và các khu kinh tế ở Việt Nam, kể cả chính sách đối với các khu chế xuất, khu kinh tế mở, khu kinh tế ven biển và khu kinh tế cửa khẩu, chính sách ưu đãi như các dự án du lịch.

b. Chính sách thuế:

Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền những cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia và một số loại thuế khác trên nguyên tắc đảm bảo đúng qui định của pháp luật, đồng thời tạo động lực nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đến đầu tư tại vùng biển đảo Cô Tô.

c. Chính sách tài chính, tín dụng:

- Các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh tại vùng biển đảo Cô Tô thuộc đối tượng được hưởng các loại hình tín dụng ưu đãi của Nhà nước được ưu tiên bố trí vốn để thực hiện dự án theo kế hoạch.

- Các tổ chức tín dụng trong nước, ngân hàng liên doanh với nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam được khuyến khích mở chi nhánh tại vùng biển đảo Cô Tô.

d. Chính sách ưu đãi về đất đai:

- Các nhà đầu tư thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất (mặt nước) có thu tiền sử dụng đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (mặt nước) mà không phải thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư tại Cô Tô được miễn tiền sử dụng đất khi thực hiện dự án.

- Các nhà đầu tư thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất (mặt nước) mà không phải thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất được áp dụng chế độ miễn nộp tiền thuê đất (mặt nước) như sau:

+ Miễn nộp tiền thuê đất và mặt nước trong mười một năm, kể từ ngày xây dựng hoàn thành, đưa dự án vào hoạt động đối với mọi dự án đầu tư không phân biệt ngành nghề, lĩnh vực;

+ Miễn tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với các dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư.

đ. Một số chính sách khác:

- Các nhà đầu tư (trừ các đối tượng được quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 3 của Luật Đầu tư) được đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu chức năng để cho thuê, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng tại Cô Tô theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai.

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Cô Tô theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đến các khu du lịch, khu chức năng tại Cô Tô; hỗ trợ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định canh, định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất; hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải, chất thải trên vùng biển đảo Cô Tô.

- Có chính sách, chế độ ưu đãi đối với các cán bộ, công chức, viên chức và

lực lượng vũ trang làm việc tại vùng biển đảo Cô Tô.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện theo quy định các nội dung như sau:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng biển đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 sau khi được phê duyệt.

- Chỉ đạo việc lập mới, điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và các loại quy hoạch khác có liên quan đến vùng biển đảo Cô Tô.

- Nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh Quảng Ninh, nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các loại quy hoạch và sự cân đối, hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ trì tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch; tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, phân cấp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các chương trình, dự án có quy mô, tính chất quan trọng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đảo Cô Tô.

- Có giải pháp và xây dựng phương án huy động các nguồn vốn một cách cụ thể, hợp lý, có tính khả thi nhằm thu hút vốn đầu tư; giảm tỷ lệ huy động vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) phù hợp với khả năng cân đối vốn và có các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực phù hợp nhằm bảo đảm tính khả thi của quy hoạch.

- Nghiên cứu ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, ưu đãi, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng biển đảo Cô Tô.

Điều 3. Các Bộ, ngành liên quan với chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nói chung và vùng biển đảo Cô Tô nói riêng; phối hợp và hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong việc lập, điều chỉnh, bổ sung các quy chế, đề án, quy hoạch đã nêu tại điều 2 của Quyết định này, cũng như trong việc nghiên cứu xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể áp dụng tại vùng biển đảo Cô Tô; đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất quan trọng đối với sự phát triển của vùng biển đảo Cô Tô đã được quyết định

đầu tư, nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư tại vùng biển đảo Cô Tô.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh;
- HĐND, UBND huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Website Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT: BT, các TT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, QLQH. L **130**

BỘ TRƯỞNG



Võ Hồng Phúc

**PHỤ LỤC**

Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư vùng biển đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020
(Kèm theo Quyết định số 467/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng ĐT (tỷ đồng)	Nguồn vốn
I	Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng					
1	XD nhà máy nhiệt điện đốt than Cô Tô	Đồng Tiến	6 MW	2010 - 2013	162	
2	XD Trung tâm cung cấp năng lượng tổng hợp gió - thủy triều - diesel - mặt trời tại trung tâm đảo Cô Tô và các cụm phát điện Diesel tại Thanh Lân và đảo Trần	Cô Tô, T.Lân, đảo Trần	1,5 MW	2015 - 2020	100	BĐ - HD
3	Đầu tư mạng lưới điện gồm: trạm biến áp và hệ thống truyền dẫn từ nguồn phát điện đến các hộ tiêu thụ	Cô Tô, Thanh Lân		2010 - 2015	50	NS
4	XD nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông xuyên đảo Cô Tô, Thanh Lân và đảo Trần, đường nội thị thị trấn Cô Tô, các trục đường giao thông ven biển	Cô Tô, T.Lân, đảo Trần	13 km	2010 - 2015	21	NS
5	XD sân bay trực thăng và dịch vụ hàng không tại Cô Tô	TT. Cô Tô	1 ha	2015 - 2020	15	NS
6	XD mới hồ chứa nước C21-Đồng Tiến	Đồng Tiến	100000 m ³	2010 - 2012	15	BĐ - HD
7	XD mạng cấp nước thị trấn và nông thôn	Cô Tô, T.Lân, đảo Trần		2010 - 2015	20	NS
8	Nâng cấp đê Trường Xuân và các tuyến kè bờ biển tại Cô Tô	Đồng Tiến	500 m	2010 - 2012		NS
9	XD kè bảo vệ khu dân cư khu I	TT. Cô Tô	-	-		NS
10	XD kè chống sụt lở từ cảng đến Khu tượng đài Bác Hồ	Thị trấn Cô Tô	-	2010 - 2011		NS
11	XD kè khu dân cư và đường xuyên đảo Thanh Lân	Thanh Lân	-	2010 - 2011		NS
12	Nâng cấp cảng Cô Tô	TT. Cô Tô	200T	2010 - 2012	10	NS
13	Tôn tạo, mở rộng Khu di tích Bác Hồ trên đảo Cô Tô	TT. Cô Tô	6,5 ha	2010 - 2012	23	CT mục tiêu
14	XD khu văn hóa thể thao huyện Cô Tô	TT. Cô Tô		2015 - 2020	30	NS
15	XD trung tâm xử lý chất thải và vệ sinh môi trường tại Cô Tô	Đồng Tiến		2015 - 2020	20	NS

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng ĐT (tỷ đồng)	Nguồn vốn
II	Chương trình phát triển sản xuất NL ngư nghiệp, CN					
1	XD Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Vịnh Bắc Bộ	TT. Cò Tô	54 ha	2008 - 2012	365	BĐHD
2	XD cơ sở sản xuất nước đá, dịch vụ hậu cần tại Thanh Lân	Thanh Lân		2015 - 2020	30	Kêu gọi ĐT
3	Dự án phát triển cây ăn quả đặc sản tại Thanh Lân và Cò Tô	Th.Lân, Cò Tô		2010 - 2015	5	NS
4	Chương trình PT nuôi trồng thủy sản	Cò Tô, T.Lân, đảo Trần		2010 - 2020	50	NS + Kêu gọi đầu tư
5	Di dân phát triển KT - XH đảo Trần	Đảo Trần	50 hộ	2015 - 2020	10	NS
III	Chương trình phát triển y tế - Giáo dục				95	
1	XD bệnh viện đa khoa tại thị trấn Cò Tô	TT. Cò Tô	30 giường	2012 - 2015	30	NS
2	XD trường PTTH tại thị trấn Cò Tô	Đông Tiến	12 phòng	1010 - 2012	20	NS
3	XD trung tâm đào tạo nghề tại Cò Tô	TT. Cò Tô		2015 - 2017	15	NS
4	XD trung tâm nghiên cứu và bảo tồn sinh vật biển tại Cò Tô	TT. Cò Tô		2015 - 2020	30	NS
IV	Chương trình phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ					
1	Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm Cò Tô; Xây dựng mới chợ Thanh Lân	TT.Cò Tô, Thanh Lân	Chợ loại 2, loại 3	2010 - 2015	30	NS
2	XD Khu du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp, chất lượng cao tại thị trấn Cò Tô	Cò Tô		2015 - 2020	100	NS + kêu gọi đầu tư
3	XD trung tâm giải trí, công viên cây xanh tại thị trấn Cò Tô tạo quần thể văn hóa mang nét độc đáo của đảo	TT.Cò Tô	1,5 ha	2015 - 2020	25	NS
4	XD khách sạn đạt tiêu chuẩn từ 2 sao trở lên	TT. Cò Tô	35 - 40 phòng	2015 - 2020	50	Kêu gọi ĐT
5	XD các đội tàu chở khách cao tốc, chất lượng cao từ đất liền ra đảo và ngược lại	TT. Cò Tô		2010 - 2015	100	Kêu gọi ĐT
V	Chương trình phát triển đô thị					
1	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc của HĐND và UBND huyện	TT. Cò Tô	2,5 ha	2010 - 2012	20	NS
2	XD thị trấn Thanh Lân	Thanh Lân		2015 - 2020	100	NS

Ghi chú: Về vị trí, quy mô và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ.